

Bản án số: 23/2025/HS-PT
Ngày: 14/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy; ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C, Nguyễn Hồ Nhật H, Trần Đình P, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2025/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực I-Gia Lai).

1. Các bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: Trần Trọng N, giới tính: Nam; sinh ngày 11/11/2007 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ D, khu phố A, phường T, Tp., tỉnh Bình Định (nay phường Q, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Bình T, sinh năm 1983 và bà: Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1991; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thành C, giới tính: Nam; sinh ngày 02/11/2006 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ E, khu phố I, phường H, Tp., tỉnh Bình Định (nay phường Q, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T1 (chết) và bà: Đinh Thị H1, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Họ và tên: Nguyễn Hồ Nhật H, giới tính: Nam; sinh ngày 24/01/2008 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 4 N, phường T, Tp., tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Hồ Văn N1, sinh năm 1981 và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/12/2023, bị Ủy ban nhân dân phường T (cũ), Tp ., tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong ngày 27/6/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Họ và tên: Trần Đình P, giới tính: Nam; sinh ngày 07/02/2008 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ E, khu phố A, phường Đ, Tp ., tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Xuân S, sinh năm 1973 và bà: Phạm Thị Ánh X (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa:

- Bà Lê Tôn Nữ Kim Y-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho các bị cáo Trần Trọng N, Trần Đình P là người dưới 18 tuổi do trung tâm cử. Có mặt

- Bà Phan Thị Ngọc H3-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Thành C là người dưới 18 tuổi do trung tâm cử. có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo C.

- Ông Lê Minh T2-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H là người dưới 18 tuổi do trung tâm cử. Có mặt

3. Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo dưới 18 tuổi:

- Ông Trần Bình T, sinh năm 1983 và bà Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1991 (cha, mẹ bị cáo Trần Trọng N); nơi cư trú: Tổ D, khu phố A, phường T, Tp ., tỉnh Bình Định (nay là tổ D, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai). Bà V có mặt, ông T vắng mặt.

- Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1968 (mẹ của bị cáo Nguyễn Đình Thành C); nơi cư trú: Tổ E, khu phố I, phường H, Tp ., tỉnh Bình Định (nay là tổ E, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai). Bà H1 có mặt.

- Ông Hồ Văn N1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978; nơi cư trú: 46/2 N, phường T, Tp ., tỉnh Bình Định (nay là 46/2 N, phường Q, tỉnh Gia Lai) (cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H). Bà H2 có mặt, ông N1 vắng mặt.

- Ông Trần Xuân S, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ E, khu phố A, phường Đ, Tp ., tỉnh Bình Định (nay là tổ E, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai) (cha của bị cáo Trần Đình P). Ông S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 10/6/2024, Trần Trọng N điều khiển xe máy đi trên đường N đoạn trước siêu thị C2 thì gặp Trịnh Hữu T3 nên phát sinh mâu thuẫn. N thách thức T3 “Mày đứng đây đợi tao một xú” rồi điều khiển xe đi uống nước với bạn, sau đó về nhà ngủ. Đến sáng ngày 11/6/2024, T3 tìm được facebook tên “Trần Trọng N” của N nên sử dụng facebook tên “Hữu Thắng” của mình nhắn tin thách thức, hẹn tối ngày 11/6/2024 rạng sáng ngày 12/6/2024 sẽ gặp đánh nhau ở Cầu Đ thuộc khu phố A, phường H, thành phố (nay là, phường Q, tỉnh Gia Lai).

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, N gọi điện cho Nguyễn Đình Thành C, rủ C tham gia đánh nhau thì C đồng ý. Sau đó, C đến quán nhậu “Bồn T4” địa chỉ I Sư Đoàn B, phường N, thành phố Q (nay là phường Q) gặp N và Trần Đình P, N nhờ C rủ thêm người tham gia. C gọi điện rủ Ngô Nguyên K, rồi cùng N, P đến quán “Sweet H” trên đường X, thành phố Q gặp K, Huỳnh Trọng T5, Nguyễn Lê Trọng H4, Võ Minh P1. N kể lại việc mâu thuẫn với T3 và rủ cả nhóm đi đánh nhau thì tất cả đồng ý. Sau đó, cả nhóm cùng đến đoạn giao nhau Nguyễn Thị T6 – P, phường H, thành phố Q thì gặp Võ Ngọc S1, Trần Bảo T7, Phan Thanh T8. Sau đó, Đỗ Tấn N2 đến (S1, T7, T8, Tấn N2 là do N rủ đến). N rủ cả nhóm đánh nhau với nhóm “Hữu Thắng” thì cả nhóm đồng ý. K gọi điện rủ thêm Nguyễn Hồ Nhật H, H rủ thêm Đào Lâm N3. Cả nhóm tập trung ở khu vực “Bàu Sen” phường Lê Hồng P2 (nay là phường T) rồi đến nhà Ngô Nguyên K lấy 02 cây phát lang. Tiếp theo, cả nhóm đi đến đoạn giao Nguyễn Thị T6 – Phan Chu T9 lấy vỏ chai bia Q. Lúc này, Lâm N3 sợ tham gia đánh nhau bị Công an bắt nên nói T8 đừng tham gia thì T8 đồng ý nên Lâm N3 và T8 bỏ về, không tham gia.

Sau đó, P1 điều khiển xe mô tô biển số: 77AA-072.89 (nhãn hiệu Honda, loại AirBlade) chở K và H (mỗi người cầm 01 cây phát lang), Tấn N2 điều khiển xe mô tô biển số: 77C1-726.69 (nhãn hiệu Honda, loại Vision) chở T7 (cầm 02 vỏ chai bia), P điều khiển xe mô tô biển số: 77AA-086.14 (nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha) chở T5 (cầm 02 vỏ chai bia), N điều khiển xe mô tô (nhãn hiệu Honda, loại Vision, chưa rõ biển số) chở S1 (cầm 02 vỏ chai bia), C điều khiển xe mô tô biển số: 77L1-208.90 (nhãn hiệu Honda, loại AirBlade) chở H4 (cầm 02 vỏ chai bia) cùng đi đến Cầu Đ, phường H, thành phố Q để đánh nhau với nhóm của “Hữu Thắng”. T3 sợ nên không dám đến điểm hẹn. Khi nhóm của N đến trước cây xăng dầu “Cảng Quy Nhơn” thì thấy Trần Minh L điều khiển xe mô tô biển số: 77F1-764.91 chở Phạm Gia A và Đào Văn H5 đi trên Cầu Đ. Nhóm của N nghĩ đây là nhóm Hữu T3 nên la hét “Tụi nó kia, anh em xông lên, dí dí...”, rồi điều khiển 05 xe mô tô chạy tốc độ cao, bấm còi âm ỉ xông về phía những người này. K và Nhật H vừa ngồi trên xe vừa kéo lê 02 phát lang xuống dưới đường làm tóe lửa. Khi cách nhóm của L khoảng 10m thì T7, T5, S1, H4 bắt đầu ném các vỏ chai bia mang theo về phía nhóm của L. Thấy nhóm N tấn công nên L, Gia A, H5 bỏ lại xe 77F1-764.91 rồi bỏ chạy xuống đường bên cạnh Cầu Đ (cả ba không bị thương tích gì). Nhóm N nghĩ nhóm “Hữu Thắng” còn người đang mai phục nên tiếp tục dàn hàng 05 xe máy, điều khiển xe chạy từ

Cầu Đ theo đường Đ hướng về phường T làm cho các xe tải, xe container, người dân đi đường lo sợ đi chậm lại, ép vào lề đường tránh né. Khi đến trung tâm thương mại "TOCEPO" thì không phát hiện thêm ai và sợ chạy thêm sẽ bị camera quay lại nên nhóm N rẽ vào đường P rồi quay lại Cầu Đ. N nhắn tin cho T3: "Tao bắt được 01 xe bên mày rồi, mày ra cứu mấy thằng bạn mày nè", để dụ T3 ra nhưng không thấy T3 trả lời. Khoảng 02 giờ cùng ngày, nhóm N mang 02 cây phát lang về nhà P1 cất giấu rồi giải tán ra về. Đến khoảng 02h30' cùng ngày, L quay lại lấy xe và đi về.

Ngày 12/6/2024, Ban điều hành khu phố A, phường H, thành phố Q có báo cáo gửi đến UBND phường H, Công an phường H đề nghị xử lý các đối tượng trong vụ việc trên.

Ngày 18/7/2024, UBND phường H có công văn số: 140/CV-UBND đề nghị, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q xử lý nhóm đối tượng sử dụng xe máy, hung khí gây rối trật tự công cộng vào ngày 12/6/2024.

Quá trình điều tra, Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C, Nguyễn Lê Trọng H4, Huỳnh Trọng T5, Trần Đình P, Võ Ngọc S1, Nguyễn Hồ Nhật H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 19/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q đã xử lý vật chứng trả lại: Xe mô tô 77AA-072.89 cho Đinh Thị H1; xe mô tô 77L1-208.90 cho Nguyễn Trọng N4; xe mô tô 77AA-086.14 cho Phạm Thị Ánh X; xe mô tô 77C1-726.69 cho Từ Thị T10.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2025/HS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực I-Gia Lai) đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự; áp dụng cho các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Hồ Nhật H, Trần Đình P.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự; áp dụng cho bị cáo Nguyễn Đình Thành C

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C, Nguyễn Hồ Nhật H, Trần Đình P phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Thành C 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình P 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 21/03/2025, bị cáo Trần Trọng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/03/2025, bị cáo Nguyễn Đình Thành C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 25/03/2025, bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 20/03/2025, bị cáo Trần Đình P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho các bị cáo Trần Trọng N, Trần Đình P: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Trần Trọng N 20 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Trần Đình P 15 tháng tù.

- Trợ giúp viên pháp lý bà Phan Thị Ngọc H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Thành C: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đề nghị HĐXX xử phạt Nguyễn Đình Thành C từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

- Trợ giúp viên pháp lý ông Lê Minh T2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C, Nguyễn Hồ Nhật H, G nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình P, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo 15 tháng tù.

- Các bị cáo Nghĩa C1, H phạm tội khi chưa thành niên nên cấp sơ thẩm áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt là chưa chính xác vì tại thời điểm xét xử sơ thẩm các bị cáo được áp dụng Luật

tư pháp người chưa thành niên để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy mức hình phạt của các bị cáo đã tuyên là đã xem xét, đánh giá đúng tính chất nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo cho các bị cáo. Ngoài ra đối với các bị cáo Hiếu T11, S1 tuy không kháng cáo nhưng cũng thuộc trường hợp như các bị cáo Nghĩa C1, H nên giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo.

- Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 thay cho quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự để phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Hồ Nhật H, Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P, kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa bị cáo Trần Trọng N và cháu Trịnh Hữu T3, vào Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, bị cáo N đã rủ rê các bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H, Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P và một số bị cáo khác chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau với cháu T3, cháu thẳng không có mặt tại điểm hẹn là Cầu Đ. Tại điểm hẹn các bị cáo tưởng các cháu: Trần Minh L, Phạm Gia A, Đào Văn H5 đang đi chơi là nhóm của cháu T3 nên đã la hét chạy xe với tốc độ cao, bấm còi ầm ỉ, kéo lê 02 cây phát lang xuống đường làm tóe lửa, rồi dùng võ chai bia ném về phía các cháu L, A, H5. Sau đó các bị cáo dùng 05 xe mô tô chạy tốc độ cao, dàn hàng ngang, la hét gây mất an ninh trật tự tại phường H, TP ., tỉnh Bình Định (cũ). Do đó, các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Hồ Nhật H, Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “gây rối trật tự công cộng” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, trị an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi gây rối trật tự công cộng, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá mức độ, tính chất, hành vi phạm tội, xem xét về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, đã tuyên phạt bị cáo Trần Trọng N 24 tháng tù, bị cáo: Nguyễn Đình Thành C 20 tháng tù, bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H 22 tháng tù và bị cáo Trần Đình P 18 tháng tù là đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm

ông nội của bị cáo P là cụ Trần M đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ là người có công với N5, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo P. Hơn nữa, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa chính xác, vì tại thời điểm xét xử sơ thẩm các bị cáo được áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên. Do đó, HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên, thay cho quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho các bị cáo đúng với quy định của pháp luật.

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Trọng N xin giảm nhẹ hình phạt, HĐXX thấy rằng: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và được áp dụng khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên. Do đó, HĐXX có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và được áp dụng khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên. Do đó, HĐXX có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo C và bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C có hoàn cảnh khó khăn, ông nội bị cáo P là người có công với nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, các bị cáo bị tuyên án dưới 3 năm tù, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là người chưa thành niên nên nhận thức, suy nghĩ còn chưa chín chắn và được áp dụng khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trọng N. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H, Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P. Sửa phần hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo N, H, C và P.

[5] Đối với các bị cáo Nguyễn Lê Trọng H4, Huỳnh Trọng T5, Võ Ngọc S1 không kháng cáo, nhưng các bị cáo đều phạm tội khi chưa thành niên nên cấp sơ thẩm áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt là chưa chính xác, vì tại thời điểm xét xử sơ thẩm các bị cáo được áp

dụng khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt của các bị cáo mà cấp sơ thẩm tuyên là đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án nên giữ nguyên hình phạt như Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H4, T5, S1.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội: Các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C và Nguyễn Hồ Nhật H, Trần Đình P không phải chịu.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Đề nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai là có một phần phù hợp một phần với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần.

[9] Luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho bị cáo Trần Trọng Nghĩa L1 phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. Luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Đình P là có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần. Luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bà Phan Thị Ngọc H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Thành C và Luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý ông Lê Minh T2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên áp dụng cho các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Hồ Nhật H;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên, áp dụng cho các bị cáo Nguyễn Đình Thành C Trần Đình P;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trọng N. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H. Nguyễn Đình Thành C, Trần Đình P. Sửa phần hình phạt của Bản án thẩm đối với đối với các bị cáo N, H, C, P.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Hồ Nhật H, Nguyễn Đình Thành C và Trần Đình P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2.1 Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Nhật H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Thành C 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.4 Xử phạt bị cáo Trần Đình P 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình Thành C, Trần Đình P cho Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nguyễn Đình Thành C, Trần Đình P cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo C, P phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Trọng N, Nguyễn Đình Thành C và Nguyễn Hồ Nhật H, Trần Đình P không phải chịu.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND, VKSND khu vực 1-Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 1-Gia Lai;
- CQCSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

